TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 187/2023/DS-PT
Ngày: 21/6/2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan.

Ông Đặng Minh Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2023/TLPT- DS ngày 30/3/2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 222/2022/DS-ST ngày 30/12/2022 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 99/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Việt D, sinh năm 1953;

Địa chỉ cư trú: Đường L, khu dân cư LICOGI, khóm F, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thành S - Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (có mặt); Địa chỉ: Số A, Lý Tự T, ấp B, xã L, Thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Dương Anh D1, sinh năm 1949; Địa chỉ cư trú: Số B, đường N, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Phan Hoàng B, sinh năm 1959; Địa chỉ cư trú: Khóm F, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Dương Bảo T1, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: Số B, đường N, phường H, th ành phố C, tỉnh Cà Mau.

+ Chị Dương Tuyết T2, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: Số B, đường N,

phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

+ Chị Dương Tuyết P, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: Số B, đường N, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh T1, chị T2, chị P: Ông Phan Hoàng B, sinh năm 1959; Địa chỉ cư trú: Khóm F, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

+ Ông Lê Minh T3 và bà Nguyễn Thúy O; Địa chỉ cư trú: Số A, đường N, khóm E, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau (T có mặt, O vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Hoàng K; Địa chỉ cư trú: Khóm B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

+ Bà Phạm Trúc N; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

+ Ông Nguyễn Thành Đ; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

+ Ông Nguyễn Văn S1; Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn T4; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

+ Ông Lê Thanh K1 và bà Nguyễn Ngọc Q là người đại diện theo uỷ quyền của anh Lê Nhựt T5; Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

+ Bà Trần Thị H; Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

+ Anh Dương Minh Đ1; Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

+ Bà Trương Hoàng D2; Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

+ Bà Trương Thanh H1, sinh năm 1963; Địa chỉ cư trú: Đường L, khu dân cư LICOGI, khóm F, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

+ Anh Trần Trọng H2; Địa chỉ cư trú: Đường L, khu dân cư LICOGI, khóm F, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Việt D là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Trần Việt D trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông nội ông là cụ Trần Văn T6 để lại cho cha ông là cụ ông Trần Văn L sử dụng, canh tác trong chiến tranh chống Mỹ, sau khi ông L hy sinh gia đình di dời nhiều nơi tránh khủng bố của giặc. Sau giải phóng gia đình ông tiếp tục về dọn cây đắp nền nhà, cất quán bên chợ Đ5 mua bán và làm ruộng được 03 năm thì mẹ ông là cụ Võ Thị B1 qua đời, do điều kiện gia đình nên đến năm 1979 gia đình ông cho ông Phạm Công D3 mượn 01 phần đất để cất nhà

và làm ruộng, đến năm 1991 thì ông D3 trả lại. Sau đó gia đình ông để lại cho người cháu ở. Số đất còn lại sau khi chính quyền tiếp quản thị trấn Đ thì bà Đỗ Xuân N1 – Chánh án Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi có hỏi mượn cụ B1 một phần đất để tạm cất trụ sở làm việc. Đến năm 1982, Tòa án huyện Đ di dời đi nơi khác, gia đình ông chưa tiếp nhận thì gia đình bà Trần Ngọc Đ2 và ông Dương Anh D1 đến cất nhà ở, gia đình ông có ngăn cản, thương lượng nhưng không thành. Năm 1989 gia đình ông có làm đơn kiện đòi lại đất, đến năm 1990 chú ông là cụ Trần Công Đ3 đăng ký và có tên trong sơ đồ mục kê địa chính và mộ người thân của ông vẫn còn chôn trên phần đất này. Ông làm đơn khởi kiện vụ án hành chính gửi Tòa án giải quyết, sau nhiều lần giải quyết, đến ngày 17/9/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau tuyên hủy quyết định số 72 về việc cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà Đ2. Nay ông Trần Việt D yêu cầu ông Dương Anh D1 cùng các con trả lại cho ông diện tích đất 3.594,5m^2 và di dời các công trình, kiến trúc trên đất trả lại hiện trạng ban đầu cho ông.

* Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Phan Hoàng B trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Việt D, ông Dương Anh D1 không đồng ý trả lại đất vì phần đất tranh chấp được bà Trần Ngọc Đ2 (vợ ông Dương Anh D1) đã sử dụng ổn định phần đất này từ năm 1975 cho đến nay, bà Đ2 cũng đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Đối với bản án số 19/HC - ST ngày 17/9/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau hủy quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc cấp giấy chứng nhận cho bà Đ2 là vụ án hành chính về trình tự thủ tục cấp giấy, còn phần đất nguyên đơn yêu cầu trả lại là vụ án dân sự. Phần đất này do hoán đối với Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, bản án trên cũng nhận định nguồn gốc đất là của bà Trần Ngọc Đ2 chứ không không phải của cha ông Trần Việt D, ông Trần Việt D cũng thừa nhận không có quản lý phần đất từ trước cho đến nay. Đối với khu vực nền mộ là người thân của ông Trần Việt D có diện tích 37.0m^2, ông Dương Anh D1 đồng ý giữ nguyên khu vực mồ mã cho gia đình ông Trần Việt D quản lý sử dụng, phần diện tích đất còn lại (sau khi trừ khu vực mồ mã), yêu cầu được giữ nguyên cho gia đình ông Dương Anh D1 tiếp tục quản lý sử dụng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn S2 trình bày: Ông có nhận chuyển nhượng của bà Đ2 diện tích đất ngang 4.5m x dài 27m với giá 50.000.000 đồng, chưa thực hiện việc chuyển tên quyền sử dụng đất. Qua yêu cầu của nguyên đơn, ông S2 không đồng ý, yêu cầu giữ nguyên diện tích đất đã chuyển nhượng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng K trình bày: Trước đây ông có sang nhượng của bà Đ2 diện tích đất ngang 10m x dài 27m, giá sang nhượng bao nhiêu ông không nhớ, hiện chưa thực hiện việc chuyển tên quyền sử dụng đất. Qua yêu cầu của nguyên đơn, ông K không đồng ý, yêu cầu giữ nguyên diện tích đất đã chuyển nhượng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông ông Lê Minh T3 trình bày: Vợ chồng sang nhượng của bà Đ2 diện tích đất ngang 4,5m x dài 27m với giá 50.000.000 đồng, chưa thực hiện việc chuyển tên quyền sử dụng đất. Qua yêu cầu

của nguyên đơn, ông T3 không đồng ý, yêu cầu giữ nguyên diện tích đất đã chuyển nhượng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T4 trình bày: Trước đây ông có sang nhượng của bà Đ2 diện tích ngang 4,5m x dài 27m, với giá 50.000.000 đồng, sau đó hai bên thỏa thuận miệng bà Đ2 sang nhượng thêm 0,5m với 5.000.000 đồng. Qua yêu cầu của nguyên đơn, ông T4 không đồng ý, yêu cầu giữ nguyên diện tích đất đã chuyển nhượng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Trúc N trình bày: Vào năm nào không nhớ, chị N có sang nhượng của bà Đ2 diện tích ngang 4,5m x dài 27m với giá bao 50.000.000 đồng, chưa thực hiện việc chuyển tên quyền sử dụng đất. Qua yêu cầu của nguyên đơn chị N không đồng ý, yêu cầu giữ y diện tích đã chuyển nhượng cho chị quản lý sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành Đ trình bày: Trước đây anh có sang nhượng của bà Đ2 diện tích 944.5m^2 với giá 250.000.000 đồng, ngoài ra tôi có sang nhượng diện tích 1,5m x dài 70m với giá 250.000.000 đồng để mở lối đi của bà Đ2, khi tôi mua do bà Đ2 có quyền sử dụng đất nhưng do ông Trần Việt D khởi kiện nên chưa chuyển tên quyền sử dụng đất cho tôi. Qua yêu cầu của nguyên đơn anh Đ không đồng ý, yêu cầu giữ y diện tích đã chuyển nhượng cho anh quản lý sử dụng

Từ nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 222/2022/DS- ST ngày 30/12/2022 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Việt D về việc yêu cầu ông Dương Anh D1 trả cho ông diện tích 3.594.5m^2, toạ lạc tại khóm A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Có vị trí tứ cận:

H (M10M11) dài 22m giáp sông R.

Hướng Tây (M8M1) dài 37,22 tiếp giáp đất ông Phạm Phước T7.

Hướng Nam (M11M12) dài 5,5m giáp phần đất do Nhà nước quản lý, đoạn (M3M4) dài 83.09m giáp đất anh Lê Quốc N2 đang quản lý, đoạn (M7M8) dài 25m giáp đất chi cục Thuế huyện Đ.

Hướng Bắc (M9M10) dài 5,5m giáp phần đất do Nhà nước quản lý, đoạn (M2M5) dài 125,91m giáp đất ông Phạm Phước T7.

(Có sơ đồ đo đac kèm theo)

2. Công nhận sự tự nguyện của ông Dương Anh D1, giữ nguyên diện tích 37.0m^2 là khu vực mồ mã của người thân ông Trần Việt D tiếp tục quản lý sử dụng.

3. Giữ nguyên diện tích 3.557m^2 (sau khi trừ khu vực nền mộ 37.0m^2) cho ông Dương Anh D1 cùng các con tiếp tục quản lý sử dụng.

Tại quyết định số 04/2023/QĐ- SCBS-BA ngày 18/01/2023 Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi có đính chính phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 222/2022/DS-ST ngày 30/12/2022.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/01/2023, nguyên đơn ông Trần Việt D có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại quyết định của bản án sơ thẩm số 222/2022/DS-ST ngày 30/12/2022 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo; Bị đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng đã được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Việt D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Trần Việt D còn trong hạn luật định. Căn cứ biên bản ngày 28 tháng 4 năm 2020, phần đất tranh chấp giữa ông Trần Việt D với ông Dương Anh D1 có diện tích 4.594,5m^2 tại khóm A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Có vị trí tứ cận:

H (M10M11) dài 22m giáp sông R.

Hướng Tây (M8M1) dài 37,22 tiếp giáp đất ông Phạm Phước T7.

Hướng Nam (M11M12) dài 5,5m giáp phần đất do Nhà nước quản lý, đoạn (M3M4) dài 83.09m giáp đất anh Lê Quốc N2 đang quản lý, đoạn (M7M8) dài 25m giáo đất chi cục Thuế huyện Đ.

Hướng Bắc (M9M10) dài 5,5m giáp phần đất do Nhà nước quản lý, đoạn (M2M5) dài 125,91m giáp đất ông Phạm Phước T7. Cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu của khởi kiện ông Trần Việt D khởi kiện đòi ông Dương Anh D1 các con ông D1 di dời các kiến trúc để trả lại phần đất 4.594,5m^2 giữ nguyên 02 ngôi mộ cho gia đình ông Trần Việt D diện tích là 37,0m^2 quản lý. Án sơ thẩm làm phép tính sai số 3.557m^2 là chưa đúng mà số chính xác là 3.557,5m^2 .

[2] Xét về nguồn gốc phần đất: Căn cứ biên bản đo đạc ngày 28 tháng 4 năm 2020, phần đất tranh chấp có diện tích 4.594,5m^2 tại khóm A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Nguồn gốc là do cụ Trần Khánh Đ4 khai phá vào năm 1930. Sau đó cho lại cụ ông Trần Văn T6, cụ T6 cho lại cha, mẹ ông Trần Việt D. Năm 1975 cha ông Việt Dũng hy sinh, gia đình ông di tản nhiều nơi. Sau năm 1975 cụ Võ Thị B1 là mẹ ông Việt D về canh tác sản xuất đến năm 1978 cụ B1 chết, phần đất trên không ai canh tác sản suất. Năm 1979 ông Phạm Công D3 mượn phần đất và cất nhà ở và làm ruộng, năm 1991 ông Phạm Phước T7 ở cho đến nay, phần đất còn lại

Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi mượn 01 phần thổ cư xây dựng trụ sở, đến năm 1980 Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi di dời đi chổ khác, bà Trần Ngọc Đ2 đến cất nhà ở, ông Trần Văn K2 (bác ruột) ông D có đến ngăn cản. Tuy nhiên gia đình ông Trần Việt D không trực tiếp canh tác sản suất trên phần đất này mà bỏ đi một thời gian dài, đến năm 1975 gia đình ông Dương Anh D1 đến ở ổn định trên phần đất này từ đó đến nay.Việc ông Trần Việt D cho rằng vào năm 1990 chú ruột của ông là ông Trần Công Đ3 có đăng ký sổ mục kê đối với phần đất trên, tuy nhiên thời điểm trên theo sổ mục kê năm 1990 thể hiện có tên bà Trần Ngọc Đ2 cũng đăng ký kê khai diện tích 3.150m^2 và đến năm 1996 thì bà Đ2 được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp quyền sử dụng đất. Tại báo cáo xác minh ngày 21/7/2001 của Tổ công tác số 02 Đoàn công tác số 505 thể hiện phần đất tranh chấp từ sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng 30/4/1975 không có chủ nào về khai hoang phục hóa trên phần đất này để sản suất hoặc cất nhà ở, mà có cơ quan Nhà nước xây dựng trụ sở là Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi. Đến năm 1983 Tòa án dời trụ sở về chổ ông D (chồng bà Đ2), còn vợ chồng ông Dương Anh D1 ở phần đất tranh chấp cho đến nay. Mặt khác, theo Công văn số 1146/TTNN-V4 ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Tổng thanh tra Nhà nước nêu nội dung và kiến nghị kết luận báo cáo số 933/TTNH ngày 12 tháng 8 năm 2003 của Thanh Tra nhà nước là "Những trường hợp khiếu nại về đất đai tại thị trấn Đ mà sau năm 1975 không về khôi phục lại đất, cất nhà ở của mình.v...v..không chấp nhận việc đòi lại đất cũ"

Như vậy, việc gia đình ông Trần Việt D được các cụ cho lại đất nhưng không trực tiếp canh tác, sản suất mà để đất hoang hóa một thời gian dài, mãi cho đến năm 1983 ông Trần Việt D mới có đơn khiếu nại, đến năm 1989 ông Trần Văn K2 (chú ruột ông D) mới có đơn khiếu nại. Thời điểm đó gia đình bà Trần Ngọc Đ2 đã ở ổn định từ năm 1975 đến nay.

Đối với bản án số 19/2019/HC-ST ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau hủy quyết định số 72/QĐ-UB ngày 04/3/1996 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giao quyền sử dụng đất và cấp quyền sử dụng đất cho bà Trần Ngọc Đ2 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Ngọc Đ2. Tuy nhiên, đó là do về trình tự thủ tục trong quá trình thực hiện việc cấp quyền sử dụng đất không đúng theo quy định của Luật Đất Đai, thực tế vợ chồng bà Đ2 quản lý sử dụng ổn định và liên tục, thực hiện các nghĩa vụ đóng thuế theo quy định, đã kê khai và đứng tên trong sổ mục kê, cải tại, bồi đắp nâng giá trị đất, gia đình ông Dương Anh D1 đã xây dựng nhà cơ bản và thực hiện việc chuyển nhượng phần đất, trên cho nhiều người.

Tại Công văn số 2691/UBND-VP ngày 31/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đ thể hiện phần đất tranh chấp không nằm trong quy hoạch chi tiết Trung tâm thị trấn Đ, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Thực tế nguyên đơn và bị đơn thừa nhận có việc hoán đổi đất. Tòa án huyện, Công An huyện và bà Trần Ngọc Đ2, thực hiện chỉ đạo của huyện Ủy. Gia đình ông Dương Anh D1 về sinh sống tại 3 căn nhà trụ sở của Tòa án huyện Đ. Năm 1985 ông Dương Anh D1 xây nhà cơ bản. Do đó trường hợp của bà Trần Ngọc Đ2, ông Dương Anh D1 sử dụng phần đất trên không phải thuê mượn đất, lấn chiếm hay lừa dối mà có, nên áp dụng Công văn số 169/2002/KHXX ngày 15/11/2002 của

Tòa án nhân dân tối cao và Quyết định số 13-HĐBT ngày 01/02/1989 của Hội đồng Bộ trưởng, thì không thừa nhận việc đòi lại đất cũ đã giao cho người khác sử dụng, trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của nhà nước, người thừa kế của chủ cũ, không có quyền đòi lại đất đã giao cho người khác quản lý sử dụng. Từ những phân tích trên, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Việt D về việc yêu cầu ông Dương Anh D1 trả lại cho ông diện tích đất 3.594.5m^2 là có căn cứ

Đối với khu vực nền mộ có diện tích 37,0 m^2 trong đó có 02 ngôi mộ đá là thân nhân của ông Trần Việt D. Đối với phần lối đi vào mộ, bản án dân sự phúc thẩm số 302/2005/PT-DS ngày 12/9/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giữa ông Lê Cao T8 bà Trần Ngọc Đ2 các bên có thống nhất chừa lối đi ngang 2m. Ông Trần Việt D thừa nhận là hiện không đi trên phần đất bà Trần Ngọc Đ2, như vậy phía ông Trần Việt D đã có lối đi vào phần mộ diện tích 37,0m^2.

[3] Đối với việc ông S2, ông T4, ông K, ông T8, bà O, anh Đ, chị N, anh T5 nhận chuyển nhượng đất của bà Đ2, nên giữ nguyên diện tích đất sang nhượng cho các đương sự quản lý sử dụng.

Từ cơ sở nhận định trên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Việt D, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi là có cơ sở, phù hợp với qui định pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Cà Mau không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Việt D giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên.

Về án phí dân sự phúc thẩm ông Trần Việt D không phải chịu do được miễn nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Việt D.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 222/2022/DS-ST ngày 30/12/2022 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Tuỹn xử :

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Việt D về việc yêu cầu ông Dương Anh D1 trả cho ông diện tích 3.594.5m^2, toạ lạc tại khóm A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Có vị trí tứ cận:

H (M10M11) dài 22m giáp sông R.

Hướng Tây (M8M1) dài 37,22 tiếp giáp đất ông Phạm Phước T7.

Hướng Nam (M11M12) dài 5,5m giáp phần đất do Nhà nước quản lý, đoạn (M3M4) dài 83.09m giáp đất anh Lê Quốc N2 đang quản lý, đoạn (M7M8) dài 25m giáp đất chi cục Thuế huyện Đ.

Hướng Bắc (M9M10) dài 5,5m giáp phần đất do Nhà nước quản lý, đoạn (M2M5) dài 125,91m giáp đất ông Phạm Phước T7.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

2. Công nhận sự tự nguyện của ông Dương Anh D1, giữ nguyên diện tích 37.0m^2 là khu vực mồ mã của người thân ông Trần Việt D tiếp tục quản lý sử dụng.

3. Giữ nguyên diện tích 3.557,5m^2 (sau khi trừ khu vực nền mộ 37.0m^2) cho ông Dương Anh D1 cùng các con tiếp tục quản lý sử dụng.

4. Chi phí thẩm định: Ông Trần Việt D phải chịu 5.000.000 đồng (Đã đối chiếu xong)

5 Chi phí định giá: Ông Trần Việt D phải chịu 31.262.000 đồng (Ba mươi mốt triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng)

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Việt D không phải chịu (thuộc đối tượng được miễn do người cao tuổi).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Việt D không phải nộp, do thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Hùng Quang